

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 01 - 2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lãng Đức Quang
- Ông Nguyễn Hồng Diên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2023; về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-ST, ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Thanh B, sinh năm 1982 "có mặt"

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1983 "vắng mặt, không có lý do".

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa, anh Đặng Thanh B trình bày: Năm 2006 anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Kim C trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau đến

năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cả hai không tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện tại anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn vợ anh là Nguyễn Thị Kim C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Đặng Khánh D, sinh ngày 26/4/2007, hiện cháu D đang ở cùng anh B. Khi ly hôn nguyện vọng anh B xin được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Đặng Thanh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C vắng mặt, chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi chị C cư trú và niêm yết tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang nhưng chị C đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị C cư trú, thể hiện chị C và anh B đã ly thân từ năm 2021, thỉnh thoảng chị C về nhà, chị C không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, khi chị C về nhà cũng như việc chị C đi khỏi nơi cư trú không báo cáo chính quyền địa phương, điều đó thể hiện chị C che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Tại các Biên bản xác minh ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với ông Nguyễn Thanh N - Là Tổ trưởng tổ dân phố Q, thị trấn V, với Công an thị trấn V và với đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang nơi anh B và chị C sinh sống đều phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Anh Đặng Thanh B và chị Nguyễn Thị Kim C tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, tỉnh Hà Giang vào ngày 08/01/2006, sau khi ký kết hôn chị C về làm dâu nhà anh B và sinh sống tại tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng mười năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị C và anh B đã sống ly thân từ khoảng năm 2021 cho đến nay mỗi người ở một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Từ ngày chị C bỏ đi thỉnh thoảng vẫn về thăm con chung là cháu Đặng Khánh

D nhưng hiện nay chị C không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, khi chị C về thăm con cũng như việc chị C bỏ đi cũng không báo cáo với chính quyền thị trấn V nên chính quyền địa phương không nắm được thông tin của chị C. Nay anh B làm đơn ra Tòa xin ly hôn với chị C thì quan điểm của chính quyền thị trấn V là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về việc nuôi con: Vợ chồng anh Đặng Thanh B và chị Nguyễn Thị Kim C có một con chung là cháu Đặng Khánh D, sinh ngày 26/4/2007, hiện nay cháu D đang sinh sống cùng với anh B, anh B cũng rất quan tâm đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và học hành của cháu D; bên cạnh đó chị C không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng và học hành của cháu D sẽ không thuận lợi bằng anh B; trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh B được ly hôn với chị C thì quan điểm của chính quyền thị trấn V là đề nghị Tòa án hỏi ý kiến của cháu D xem nguyện vọng của cháu muốn ở với ai và giải quyết theo quy định của pháp luật. Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh chị có tạo lập được tài sản gì chung hay không thì chính quyền thị trấn V không nắm được, hơn nữa anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên chính quyền địa phương không cung cấp thông tin gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh B có mặt. Còn chị C, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Thanh B đối với chị Nguyễn Thị Kim C về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về con chung: Giao cháu Đặng Khánh D, sinh ngày 26/4/2007 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Đặng Thanh B có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C có nơi cư trú tại Tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Kim C không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc anh B yêu cầu ly hôn. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với chị Nguyễn Thị Kim C theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim C.

[3] Về hôn nhân: Anh Đặng Thanh B và chị Nguyễn Thị Kim C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh B và chị C là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống anh B và chị C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không có sự động viên, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị C nhưng chị C vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh B. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh tại chính quyền thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang thể hiện do vợ chồng anh B, chị C bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thời gian anh B và chị C sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Anh B xác định không còn tình cảm với C, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh B kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh B không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị C thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B.

[5] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Khánh D, sinh ngày 26/4/2007. Xét thấy cháu D đang ở cùng anh B, chị C bỏ đi làm ăn xa, mặt khác Tòa án lấy lời khai của cháu D, cháu D mong muốn ở với anh B, quá trình giải quyết vụ án chị C không có mặt nên không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu D cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Nguyễn Thị Kim C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh B không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Đặng Thanh B phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đặng Thanh B. Anh Đặng Thanh B được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C.

2. Về nuôi con chung: Anh Đặng Thanh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Khánh D, sinh ngày 26/4/2007 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh B, chị C có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Đặng Thanh B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0003315, ngày 13/10/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Kim Ngọc (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

